

Mười hai tướng hữu vi đó ở đâu sinh ra?

Chính là sinh ra từ Tính Diệu Viên, Tính Giác Minh, Tính Nhiệm Mầu của Chân Tâm, Đã Bị Vọng Hoá. Còn nếu hỏi tại sao lại vọng hoá thì Ta đã từng trả lời Tu Bồ Đề rồi: Vọng thì không có nguyên nhân, nói đúng hơn, nguyên nhân là một từ vô nghĩa khi biết rằng tất cả chỉ là vọng tưởng, kể cả trú xứ của nguyên nhân, tức là thời gian. Tuy nhiên vọng vẫn là hiện thực, và chính vì vậy có thể diệt được vọng.

Chiếu cố nếp tư duy của chúng sinh, có thể trình bày cơ chế phát sinh của sáu căn như sau:

Tính Giác Minh vọng hoá ra thành Minh Giác, một cặp “sáng tạo” của Minh Giác là sáng - tối làm nền cho cái Nhìn Thấy. Cái Nhìn Thấy tự hiển lộ trong sắc màu, sắc màu kết lại thành căn mắt. Căn mắt có hai trình độ cấu trúc, cấu trúc thô gọi là phù trần căn, đó là cái Nhìn Thấy nghiêng về sắc màu thô [như ngày này chúng ta nói đến sóng ánh sáng khả kiến] vì cùng là con mắt của đại đa số thế nhân, cấu trúc tế gọi là tịnh sắc căn, đó là Cái Nhìn Thấy nghiêng về sắc màu tế và cũng là con mắt thấu thị, thiên nhãn, . . . Dù thô, dù tế, căn mắt vẫn là sản phẩm của Cái Nhìn Thấy, của sáng - tối, của Minh Giác do đó vẫn trong trạng thái điều kiện hoá năng - sở.

Một cặp sáng tạo đặc biệt quan trọng của Minh Giác, cặp sinh - diệt, đúng hơn đây phải nói là một cặp mà qua đó Minh Giác lộ thể: Không thể có Minh nếu không có trí nhớ. Cũng từ trí nhớ mà sinh - diệt hình thành. Phải xem trí nhớ, một cách gọi tên khác của Hành, của chủng tử, của Nghiệp Hữu Lưu là nòng cốt của “vọng hoá”. Cái Biết, nói đầy đủ, Cái Biết của Thức là phân biệt, phân biệt sự vật đang hiện hữu tức là tương đương với “sinh” với sự vật khác không hiện hữu, do đó tương đương với “diệt”, chỉ để lại tiếng vang trong Ý. Phân biệt hay Thức ấy hiển lộ trong Pháp hay Hiện Hữu. Hiện hữu ấy kết lại thành Ý Căn, phần thô cấu thành cái gọi là hệ thần kinh, phần tế là nguồn gốc siêu hình của các hiện tượng cận tâm lý, của quyền năng pháp thuật. Cả hai phần này kết hợp sẽ đẩy nhanh quá trình tu tập để thành tựu quả Bồ Đề Niết Bàn.

Căn nào, trên mặt hiện tượng cơ chế, đều dường như được dính chặt vào cặp đối ngẫu tương ứng với nó. Nếu, thay vì để căn sống bám vào cặp đối ngẫu này, rong ruổi nhờ những cùng với cặp đối ngẫu xuất hiện dưới dạng tiền trần muôn màu, muôn vẻ, các người thu nhiếp hoạt động tâm thức vào bên trong, tìm đường trở về tính bản chân, tính Diệu Viên, Tính Giác Minh, pháp giới tính nhất như thì lập tức, đồng thời với việc rút được một căn ra khỏi chất dính của mê lầm, tội lỗi, năm căn kia cũng liền được giải phóng ra

khỏi nhà tù chấp trực của chúng. Nói cách khác, một khi một căn không hoạt động chỉ như một phản xạ đối trước trần cảnh đặc thù của nó, thí dụ căn mắt không bị thu hút cả hồn lẫn xác vào đối tượng sắc trần thì cái Biết, cực sáng suốt, cái Biết của Trí Viên Thành Thực sẽ ôm gọn toàn thể pháp giới, điều này có nghĩa là không còn tính riêng rẽ, độc lập của các căn kia, nói đơn giản, có nghĩa là lúc đó sáu căn có thể dùng thay lẫn nhau, thí dụ tai nhìn, mắt nghe, mũi sờ . . .

Điều đó đâu phải chuyện xa vời nào: ngay trong Hội Giảng này, các người biết đấy, Analuật đà không có mắt mà thấy tỏ tường mấy ai bằng, rằng Bạtnam đà không có tai mà âm thanh ngoài vạn dặm vẫn nghe rõ như kê bên, thần nữ Căng già không có mũi mà hương nào, ở xa bao nhiêu cũng đều ngửi biết hết, Kiều phạm la đề lười khác người mà biết vị, thần Thuấn nhã đa không thân mà vẫn xúc, hiện nay sở dĩ các người có nhìn thấy thân của Thuấn nhã đa, đó là do hào quang của Ta kết hiện hữu gọi tên là Thuấn nhã đa lại, chứ bình thường ra Thuấn nhã đa là thân gió thì làm gì có thân, Maha cadiếp dày công tu tập phép Diệt Tận Định nên đã từ lâu thủ tiêu ý căn, không còn niệm nào, vậy mà tâm thức vẫn biết rành rõ khắp mọi chuyện trên giới dưới đất, không một thứ bác học thế gian nào bì kịp.

Vả chẳng, chẳng cần căn cứ vào các siêu nhân trên, sự hoạt động của căn này có thể thế chỗ về mặt hiệu ứng cho căn kia vẫn xảy ra mà các người không để ý đấy thôi. Thí dụ bảo một người nhắm mắt lại, căn mắt không còn điều kiện để biểu lộ tính năng, do đó giá có hỏi đầu đầu, chân đầu cũng chẳng biết đường nào mà trả lời, nhưng nếu anh ta dùng tay sờ rầm, sờ soạng thì rồi anh ta vẫn cho ra được câu trả lời đúng như bất kỳ một người mở mắt nhìn xem nào. Điều này chẳng qua do cái hành từ vô trí khiến cho cứ nghĩ rằng phải duyên vào ánh sáng mới thấy được, thiếu ánh sáng thì biết đường nào mà nhìn, mà biết.

Nếu các người biết đoạn trừ, dứt bỏ cái hành ấy, các định kiến ấy, cái quán tính ấy, cái thói quen ấy, thì cả căn, cả trần các thứ phù trần, các tướng biến hoá trong thế giới sự vật đều tiêu vong, tính giác minh hiển lộ bao trùm cùng khắp mười phương: Bồ Đề, Bát Nhã là như vậy.”

—“Bạch Phật, mục đích tối hậu của việc tu hành là chứng quả Bồ Đề, còn gọi là Niết Bàn, hay Chân Như, hay Phật Tính, hay Yên ma la thức, hay Không Như Lai Tạng, hay Đại Viên Cảnh Trí, danh hiệu tuy khác nhau nhưng thể tính chỉ là một, đó là cái thanh tịnh, thường trụ, bất khả huỷ diệt như Kim Cương. Để chứng quả, như lời Phật dạy, lúc tu nhân phải có tâm thức tương xứng với quả.

Tâm thức ấy, như chúng con vẫn chứng nghiệm từng giây, từng phút, không ra ngoài cái thấy và cái biết, tức là niệm. Cái thấy hiện hữu từ cơ sở bị thấy, từ sáu cặp đối ngẫu nói trên. Nếu theo yêu cầu, phải tách rời cái thấy khỏi nguồn gốc tồn tại của nó là những cặp đối ngẫu ấy thì cái thấy không còn hiện hữu nữa, cái thấy sẽ diệt vong. Không có cái thấy thì chúng con lấy cái gì để làm việc tu nhân? Thêm nữa, lại phải dứt trừ mọi niệm, để theo lời Phật dạy, cái tính thấy tĩnh lặng, thường trụ, viên mãn. Điều này trái ngược với kinh nghiệm phổ biến là cái biết, dựa vào niệm, là một quá trình chuyển dịch, tiến hoá bất tuyệt”

-“Người hãy chú ý theo dõi những việc Ta sai làm ngay đây để trả lời câu hỏi: có thật cái thấy sẽ diệt vong khi cái bị thấy không còn nữa, đồng thời qua đó sẽ giác ngộ tính thấy là thường trụ, trong khi cái bị thấy là vô thường, là biến thiên, là sinh diệt.”

Nói xong, Phật sai ngài La hâu la đánh một tiếng chuông, rồi quay hỏi ngài Anan: -Người có nghe đấy không?”

-Dạ, con có nghe

Khi tiếng chuông đã bật, Phật lại hỏi:

-Người có nghe đấy không?

-Dạ con không nghe.

Ngài La hâu la, vâng lời Phật lại đánh tiếp một tiếng chuông nữa.

-Người có nghe đấy không?

-Dạ, con có nghe

-Thế nào thì người gọi là có nghe? thế nào thì người gọi là không nghe?

-Dạ, tiếng chuông phát ra từ cái chuông khi đánh vào nó, lúc ấy chúng con gọi là có nghe. Sau đó tiếng chuông bật đi, lúc ấy chúng con gọi là không nghe”

Phật lại bảo ngài La hâu la đánh chuông, và quay hỏi ngài Anan:

-Có tiếng không?

-Dạ, có tiếng

Khi chuông dứt hẳn, Ngài lại hỏi:

-Có tiếng không?

-Dạ, không tiếng.

Phật sai đánh tiếp một tiếng chuông nữa:

-Có tiếng không?

-Dạ, có tiếng.

-Này Anan, người có nhận ra rằng người đã nói năng rất lộn xộn qua hai lần trả lời không? Khi Ta hỏi người về “nghe” thì người trả lời “có”, “không”, “có”, giống hệt như khi Ta hỏi người về “tiếng”. Tiếng thì rõ ràng là “có”, là “không”, là “có” tùy theo có tiếng vang hay không còn tiếng vang. Nhưng cái nghe của người đâu phải vì có tiếng, không tiếng mà nó cũng có, cũng không theo với tiếng. Nếu quả thật cái nghe là không theo với cái không của tiếng, không nghĩa là tính nghe đã diệt, đã thành vô tri giác như cây khô, cành mục, thì khi lại đánh chuông, lại có tiếng, người lấy gì ra để “nghe” mà trả lời “có nghe”.

Như vậy, người phải hiểu rằng biết có, biết không là do từ cái tiếng, cái bị - nghe, hoặc có, hoặc không, chứ tính nghe đâu có phải vì cái tiếng chuông kia, cái bị - nghe kia mà thành có, thành không. Cái bị nghe, nói chung cái trần cảnh, hay những cặp đối ngẫu nằm trong cái nghe, trong cái thấy. Chúng có sinh, có diệt, chúng vô thường, còn cái nghe, cái thấy tồn tại tự thân, theo hiện tượng trần cảnh, cái nghe, cái thấy cũng có những hiển lộ trên mặt hiện tượng, còn trong bản thể sâu xa của nó, nó vẫn có đấy, vẫn thường trụ đấy trước bất kỳ cái có, cái không, cái sinh, cái diệt “hiện tượng học” nào.

Ta lại lấy thêm một thí dụ để người rõ thêm về tính thường trụ này.

Một người nọ đang ngủ, đúng lúc đó trong nhà lại giã gạo. Trong giấc chiêm bao, anh ta nghe thấy tiếng và tưởng đó là tiếng trống, và rất có thể sẽ hoang mang tự hỏi phải chăng tiếng trống báo động. Khi tỉnh giấc, anh ta mới biết trong chiêm bao anh ta đã lầm tiếng chày giã gạo là tiếng trống. Lúc ngủ, anh ta không trực diện với một trần cảnh nào cụ thể về mặt định tính, nhưng tính nghe của anh ta không ngủ, nó vẫn có đấy nơi anh ta, và nó sẽ hiển lộ về mặt “hiện tượng học” khi có hiện tượng làm duyên cho nó. Thí dụ này giúp cho người hiểu rằng hình hài người rồi sẽ tiêu tan, thân mạng người rồi sẽ rời đổi, nhưng tính nghe của người thì vẫn có đấy, vẫn thường trụ đấy, không tùy thuộc gì vào hình hài người, vào thân mạng người. Sự hiển lộ của nó chỉ có ý nghĩa hình thức hiện tượng học, trước một sự việc hiện tượng học trong một cảnh giới hiện tượng học nhất định.

Không riêng gì người, các chúng sinh từ vô thủy đều mắc sai lầm ngàn đời này, sai lầm chạy theo, dính vào trần cảnh, vào niệm, vào ý mà tự xác

định, do đó tự lưu chuyển trong vòng lục đạo. Để khỏi lưu chuyển, để khỏi sai lầm, biện pháp duy nhất là đừng có dính nữa, đừng có theo đuổi, là dời bỏ cái trần cảnh sinh diệt ấy đi là xoay cái hướng ngoại lại làm hướng nội, mà khai ngộ bản tính chân thường, thanh tịnh, lúc ấy cái tâm niệm nào cần, nào trần, nào thức đều tiêu vong, pháp nhơn liền hiển lộ, như thế gọi là thành bậc Vô Thượng Tri Giác.

2. Thiết kế đường vào ngôi nhà Sư.

-“Bạch Thế Tôn, Ngài vừa dạy chúng con nghĩa quyết định thứ hai: tách rời sự kết dính của mình vào trần cảnh. Việc này xem ra cũng giống như cởi nút buộc, rõ ràng là muốn cởi thì phải biết đầu nút ở đâu, vì vậy xin nguyện Đức Đại Từ thương xót những kẻ chìm đắm trong dòng luân hồi mà chỉ cho cách cởi nút để gỡ mình khỏi cảnh hữu lậu”

Liên ngay, ngài Anan và đại chúng đều nghe Chư Như Lai mười phương nhất loạt lên tiếng bảo ngài Anan:

“Hay thay cho Anan, người nay đã rõ cái vô minh câu sinh nguyên thuỷ chính là đầu nút mà sáu căn nơi người cột người vào luân hồi sinh tử, nay người muốn chóng chứng đạo quả giả thoát, vắng lặng, an vui, diệu thường thì người phải biết rằng chính cũng lại sáu căn ấy sẽ giúp người biết tính Vô Thượng Bồ Đề”.

* -“Bạch Phật, tại sao cùng một nguyên nhân là sáu căn lại có thể sinh ra hai kết quả trái ngược là luân hồi và diệu thường?”

-“Căn sở dĩ biết vì có trần hiện ra; trần sở dĩ hiện ra vì có căn tại đấy. Căn hay kiến phần năng kiến và trần hay tướng phần sở kiến như vậy chỉ là hai mặt của một thể duy nhất, mỗi cái tách riêng đều vô nghĩa, tức là không có tự tính gì ráo, chẳng khác những cành lau gác vào nhau. Từ đó, sao người không hiểu rằng cột và cởi không phải là hai. Cột và cởi đều trực tiếp liên quan tới cái thức phân biệt cơ sở trên Tri Kiến. Nếu từ nơi tri kiến người cố định hoá những tướng tri kiến trong những khuôn mẫu nhất định để sử dụng thường xuyên thì hành vi này gọi là cột và gốc của vô minh; nếu từ nơi tri kiến, người buông xả tất cả tướng tri kiến, xem tướng là phi tướng thì hành vi đó gọi là cởi và chính nó là Niết Bàn vô lậu và chân tịnh. Bây giờ người hãy nhìn đây để dễ dàng hình dung ra cách cởi nút.”

Đức Phật bèn sửa áo Niết Bàn tăng, vén áo Tăng già lê, dựa ghế thất bảo trên sư tử toạ mà đưa tay lấy cái khăn hoa của cõi trời Kiếp Ba La đã cúng cho ngài, rồi ở trước đại chúng cột khăn thành một nút, đưa cho ngài Anan xem và hỏi: -“Cái này gọi là gì?”

định, do đó tự lưu chuyển trong vòng lục đạo. Để khỏi lưu chuyển, để khỏi sai lầm, biện pháp duy nhất là đừng có dính nữa, đừng có theo đuôi, là dời bỏ cái trần cảnh sinh diệt ấy đi là xoay cái hướng ngoại lại làm hướng nội, mà khai ngộ bản tính chân thường, thanh tịnh, lúc ấy cái tâm niệm nào căn, nào trần, nào thức đều tiêu vong, pháp nhơn liền hiển lộ, như thế gọi là thành bậc Vô Thượng Tri Giác.

2. Thiết kế đường vào ngôi nhà Sư.

“Bạch Thế Tôn, Ngài vừa dạy chúng con nghĩa quyết định thứ hai: tách rời sự kết dính của mình vào trần cảnh. Việc này xem ra cũng giống như cởi nút buộc, rõ ràng là muốn cởi thì phải biết đầu nút ở đâu, vì vậy xin nguyện Đức Đại Từ thương xót những kẻ chìm đắm trong dòng luân hồi mà chỉ cho cách cởi nút để gỡ mình khỏi cảnh hữu lậu”

Liền ngay, ngài Anan và đại chúng đều nghe Chư Như Lai mười phương nhất loạt lên tiếng bảo ngài Anan:

“Hay thay cho Anan, người nay đã rõ cái vô minh câu sinh nguyên thủy chính là đầu nút mà sáu căn nơi người cột người vào luân hồi sinh tử, nay người muốn chóng chứng đạo quả giả thoát, vắng lặng, an vui, diệu thường thì người phải biết rằng chính cũng lại sáu căn ấy sẽ giúp người biết tính Vô Thượng Bồ Đề”.

* “Bạch Phật, tại sao cùng một nguyên nhân là sáu căn lại có thể sinh ra hai kết quả trái ngược là luân hồi và diệu thường?”

“Căn sở dĩ biết vì có trần hiện ra; trần sở dĩ hiện ra vì có căn tại đấy. Căn hay kiến phần năng kiến và trần hay tướng phần sở kiến như vậy chỉ là hai mặt của một thể duy nhất, mỗi cái tách riêng đều vô nghĩa, tức là không có tự tính gì ráo, chẳng khác những cành lau gác vào nhau. Từ đó, sao người không hiểu rằng cột và cởi không phải là hai. Cột và cởi đều trực tiếp liên quan tới cái thức phân biệt cơ sở trên Tri Kiến. Nếu từ nơi tri kiến người cố định hoá những tướng tri kiến trong những khuôn mẫu nhất định để sử dụng thường xuyên thì hành vi này gọi là cột và gốc của vô minh; nếu từ nơi tri kiến, người buông xả tất cả tướng tri kiến, xem tướng là phi tướng thì hành vi đó gọi là cởi và chính nó là Niết Bàn vô lậu và chân tịnh. Bây giờ người hãy nhìn đây để dễ dàng hình dung ra cách cởi nút.”

Đức Phật bèn sửa áo Niết Bàn tăng, vén áo Tăng già lê, dựa ghế thất bảo trên sư tử toạ mà đưa tay lấy cái khăn hoa của cõi trời Kiếp Ba La đã cúng cho ngài, rồi ở trước đại chúng cột khăn thành một nút, đưa cho ngài Anan xem và hỏi: “Cái này gọi là gì?”